TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/**2018/HS-ST
Ngày: 19-3-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Trang**.
2. Ông **Trần Văn Xuân**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Đinh Thị Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Ông **Phan Quang Hùng** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2018/HSST ngày 23 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ L (C, M), sinh năm 1980, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Ấp SC1, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Ấp SC1, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn K, sinh năm 1935 và bà Nguyễn Thị I, sinh năm 1940; Chồng, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giam: Từ ngày **27-12-2017** đến ngày **27-01-2018** được tại ngoại.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Chị **Lê Thị Đ**, sinh năm: 1981.*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp GT, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1972. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp VK, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

+ Chị **Phan Thị Ngọc Q**, sinh năm: 1989. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp SC1, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L là bạn bè với chị Lê Thị Đ, Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 05-6-2017, L đến nhà chị Đ chơi và ngủ qua đêm. Đến khoảng 13 giờ ngày 06-6-2017, L mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH 150, mang biển số 60B5- 412.60 của chị Đ để đi công việc một lát sau sẽ trả, chị Đ đồng ý. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, chị Đ đi đến nhà L thuộc ấp SC1, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai để lấy xe, chị Đ thấy xe mô tô của chị dựng ở trong sân nhà L. Chị Đ chơi và ngủ qua đêm tại nhà L. Đến khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 07-6-2017, L Đ khiển xe mô tô của chị Đ ra ngoài. Khoảng 30 phút sau, L điện thoại nói với chị Đ là đưa giấy tờ xe cho L để lấy xe về, vì L bị Cảnh sát giao thông kiểm tra tạm giữ xe tại ngã ba SC. Chị Đ đưa giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho chị Phan Thị Ngọc Q (là bạn của chị Đ và L) mang ra đưa cho L.

Sau khi có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, L nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị Đ, nên đem chiếc xe mô tô mang biển số 60B5-412.60 và giấy chứng nhận đến cầm cố tại tiệm cầm đồ Văn M thuộc ấp VK, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, được 100.000.000 đồng. Sau đó, L không có khả năng trả lại xe mô tô trên cho chị Đ. Ngày 10-6-2017, chị Đ làm đơn tố giác hành vi của L với Cơ quan Công an.

Trị giá chiếc xe mô tô mang biển số 60B5- 412.60 của chị Đ là: 105.000.000 (Một trăm lẻ năm triệu) đồng.

Bản cáo trạng số **24/CT-VKS-HS** ngày 22-01-2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai truy tố Nguyễn Thị L về tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo Điểm d Khoản 2 Đ 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan Đ tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị L khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung Cáo trạng mô tả. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài*

sản”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Thị L về tội: *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”*. Quá trình Đ tra, bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường khắc phục hậu quả; chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm d Khoản 2 Đ 140; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Đ 46; Đ 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ **16 tháng** đến **20 tháng** tù.

Ý kiến của bị hại (chị Lê Thị Đ): Chị đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan (anh Nguyễn Văn M): Anh đã nhận lại đủ khoản tiền cầm cố tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nghĩ làm như vậy là không phạm tội; bị cáo đã ăn năn, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Đ tra Công an huyện Xuân Lộc, Đ tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình Đ tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình Đ tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị L khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Đ tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 13 giờ ngày 06-6-2017, tại ấp GT, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; lợi dụng sự tin tưởng của chị Lê Thị Đ nên Nguyễn Thị L đã mượn chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại SH 150, mang biển số 60B5-412.60, của chị Đ đi công việc. Sau đó, sáng ngày 07-6-2017, L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đem xe mô tô kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của chị Đ đến cầm cố tại tiệm cầm đồ Văn M thuộc ấp VK, xã SC, huyện

XL, tỉnh Đồng Nai, với số tiền 100.000.000 đồng. Trị giá chiếc xe của chị Đ là 105.000.000 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo Đ 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của chị Lê Thị Đ nên cần đưa ra xét xử và áp dụng mức hình phạt nghiêm nhằm răn đe bị cáo và để giáo dục, phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết định khung hình phạt*: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp trị giá tài sản 105.000.000 đồng là trên 50.000.000đồng và dưới 200.000.000đồng, nên bị xét xử ở Điểm d Khoản 2 Đ 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân chưa tiền án, tiền sự, là phụ nữ. Đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Đ 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục để bị cáo tự cải tạo về việc sai trái đã làm cũng đủ răn đe bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung.

[5] *Về dân sự:*

Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn M không yêu cầu bồi thường nên không xét.

[6] *Về án phí:*

Bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Đ 140; Điểm b, p Khoản 1 Đ 46; Khoản 2 Đ 46; Đ 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Đ 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Xử phạt: Nguyễn Thị L – 02 năm *(Hai năm)* tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **04 năm** *(Bốn năm)*, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã SC quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. *Về án phí:*

Buộc Nguyễn Thị L nộp **200.000** *(Hai trăm nghìn)* đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án:* Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:
- *TAND. Tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND. Tỉnh Đồng Nai;*
- *Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;*
- *Công an H.Xuân Lộc;*
- *VKSND H.Xuân Lộc;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự H.Xuân Lộc;*
- *UBND xã SC;*
- *Bị cáo; - Các đương sự;*
- *Hồ sơ thi hành án;*
- *Lưu án văn, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Anh Dũng